

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 252/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: S.....
	Ngày: 14/2/2014

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ vào Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau:

I. VỊ TRÍ, VAI TRÒ

- Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (gồm thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh: Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Tiền Giang) là vùng kinh tế phát triển năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, bền vững, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, là đầu tàu phát triển kinh tế của cả nước; là địa bàn có vai trò cầu nối với các khu vực đồng bằng sông Cửu Long và khu vực Tây Nguyên; đi đầu trong hội nhập, mở rộng giao thương, hợp tác kinh tế có hiệu quả với các nước trong khu vực Đông Nam Á và thế giới.

- Là vùng đi đầu phát triển trong một số ngành sản xuất và dịch vụ tiên tiến, nhất là các ngành sản xuất linh kiện điện tử, sản xuất phần mềm, các dịch vụ thương mại, logistics, tài chính, viễn thông, du lịch góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh quốc tế, tạo động lực cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

- Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam mà hạt nhân là thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm dịch vụ tâm cỡ khu vực Đông Nam Á về tài chính, thương mại, du lịch, giao lưu quốc tế.

- Là trung tâm giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao các Vùng lân cận và cả nước; đồng thời là trung tâm chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ hàng đầu của cả nước.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020 phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; đảm bảo thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực. Phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam thành vùng động lực thúc đẩy phát triển với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội cao hơn so với mức bình quân chung của cả nước; là trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại lớn của đất nước và khu vực.

- Phát huy cao nhất tiềm năng, lợi thế của các địa phương trong Vùng, nhất là lợi thế về sản xuất công nghiệp, dịch vụ. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam phải đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước; trong đó khu vực thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương là địa bàn trọng điểm, phát huy vai trò động lực và lan toả phát triển cho các địa phương khác trong vùng và cả nước.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế Vùng theo hướng nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh, tập trung ưu tiên đầu tư các ngành có tiềm năng, lợi thế, có năng suất lao động và hàm lượng tri thức cao, gắn liền với việc đẩy mạnh liên kết giữa các ngành, thành phần kinh tế và giữa các địa phương.

- Tập trung đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế cho Vùng và cả nước. Nâng cao chất lượng, mở rộng quy mô đào tạo với cơ cấu ngành nghề và trình độ hợp lý theo nhiều hình thức.

- Phát triển kinh tế đi đôi với đảm bảo công bằng xã hội, giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân và thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa các địa phương trong vùng, nhất là đồng bào nghèo, dân tộc thiểu số.

- Phát triển bền vững, hài hoà giữa các mục tiêu về phát triển kinh tế, phát triển xã hội và cải thiện môi trường sinh thái với việc bảo vệ và phát triển rừng; phát triển công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường đô thị, nguồn nước và không khí.

- Gắn phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo đảm ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu đến năm 2020:

- Mục tiêu tổng quát: Phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam thành vùng phát triển năng động với chất lượng tăng trưởng cao và bền vững. Là vùng kinh tế động lực đầu tàu; là trung tâm kinh tế, thương mại, văn hoá, đào tạo, y tế, nghiên cứu khoa học chất lượng cao của cả nước và khu vực. Là vùng có cơ cấu kinh tế và không gian phát triển hài hòa; có hệ thống đô thị tổng hợp tầm quốc gia và khu vực, trong đó thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế tổng hợp đa chức năng với hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật hiện đại, đồng bộ ngang tầm với các quốc gia trong khu vực.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Về phát triển kinh tế:

. Tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2011 - 2015 đạt 8,0 - 8,5%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 8,5 - 9,0%/năm. Đến năm 2020 các ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ chiếm 95 - 96% tổng GDP, trong đó tỷ trọng khu vực dịch vụ đạt khoảng 44%. GDP bình quân đầu người đến năm 2015 đạt 3.900 - 4.000 USD; đến năm 2020 đạt trên 5.000 USD.

. Tăng giá trị xuất khẩu bình quân đầu người lên 3.700 USD năm 2015 và 5.400 USD năm 2020. Đóng góp khoảng 55 - 60% thu ngân sách cả nước thời kỳ 2011 - 2020. Tốc độ đổi mới công nghệ đạt bình quân khoảng 20%/năm; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2020 đạt khoảng 85%.

+ Về phát triển xã hội:

. Đến 2020 ổn định số dân khoảng 21 - 22 triệu người; tỷ lệ đô thị hóa đạt 65%. Giải quyết việc làm hàng năm cho khoảng 34 - 35 vạn lao động; tỷ lệ lao động thất nghiệp khu vực thành thị dưới 4%. Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân khoảng 2%/năm.

. Phấn đấu đạt 400 sinh viên có trình độ cao/1 vạn dân vào năm 2015 và 450 sinh viên/1 vạn dân vào năm 2020. Thực hiện nâng cao một bước sức khoẻ của người dân, giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 10% năm 2015 và 8% năm 2020.

+ Về bảo vệ môi trường:

. Tỷ lệ che phủ rừng và cây lâu năm đạt trên 45% đến năm 2020.

. Đến năm 2015: 100% các cơ sở sản xuất mới xây dựng áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm thiểu ô nhiễm, đảm bảo tiêu chuẩn môi trường; 100% các khu công nghiệp hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung; 95% chất thải rắn được thu gom; xử lý trên 90% chất thải

nguy hại và 100% chất thải y tế. Đến năm 2020: 100% các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường; 100% chất thải rắn và chất thải nguy hại được xử lý.

. Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 96% năm 2015 và 98% năm 2020; thành thị đạt 97% năm 2015 và 99% năm 2020.

+ Về an ninh, quốc phòng:

. Tăng cường công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự xã hội tại cơ sở, phòng, chống các tệ nạn xã hội; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, tiến tới xây dựng các địa bàn trọng vùng trở thành địa bàn văn minh, lịch sự, có đời sống văn hóa xã hội lành mạnh.

. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục và vận động quần chúng chấp hành nghiêm chỉnh Luật pháp của Nhà nước nhằm hạn chế, đẩy lùi tai nạn giao thông.

. Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội.

b) Định hướng đến năm 2030:

- Tầm nhìn tổng quát:

Đến năm 2030, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam tiếp tục là vùng kinh tế phát triển năng động với chất lượng tăng trưởng cao và diện hình về phát triển bền vững, đi đầu trong phát triển kinh tế tri thức; là vùng kinh tế động lực đầu tàu của cả nước, trung tâm kinh tế của khu vực và châu Á; là trung tâm thương mại tài chính, dịch vụ tầm quốc tế, trong đó trọng tâm phát triển Vũng Tàu trở thành Đô thị du lịch; trung tâm công nghiệp công nghệ cao với trình độ chuyên môn hóa cao; đồng thời là trung tâm văn hoá - đào tạo - y tế chất lượng cao, là vùng có cảnh quan và môi trường tốt. Có cơ cấu kinh tế hiện đại và cơ cấu không gian hợp lý, là chùm đô thị lớn với chức năng đô thị tổng hợp cấp quốc gia, trong đó thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế tổng hợp đa chức năng với hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật hiện đại, đồng bộ; có hệ thống các cơ sở văn hoá, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế và thể dục thể thao ở trình độ cao so với khu vực và cả nước.

- Các lĩnh vực cụ thể:

+ Về kinh tế: Tốc độ tăng GDP bình quân khoảng 8,0 - 8,5%/năm thời kỳ 2021 - 2030. GDP năm 2030 gấp khoảng 2,2 lần so với năm 2020. GDP bình quân đầu người năm 2030 đạt khoảng 12.200 USD. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng bền vững, hình thành và phát triển nền kinh tế tri thức. Tỷ trọng khu vực dịch vụ năm 2030 chiếm trên 50%. Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu thời kỳ 2021 - 2030 đạt 8 - 10%/năm.

+ Về phát triển các lĩnh vực xã hội:

. Quy mô dân số đến năm 2030 khoảng 25 triệu người. Tỷ lệ đô thị hoá khoảng 75 - 80%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo khoảng 90%. Lao động trong các khu vực dịch vụ và công nghiệp - xây dựng chiếm trên 90% tổng số lao động. Giải quyết việc làm trung bình hàng năm khoảng 20 - 22 vạn người thời kỳ 2021 - 2030. Duy trì tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị ở mức 3,5% năm 2030; nâng cao hiệu quả sử dụng thời gian lao động khu vực nông thôn.

. Sức khỏe của nhân dân trong vùng được nâng cao và cải thiện đáng kể cả thể trạng, tầm vóc được cải thiện, tuổi thọ trung bình đạt 78 - 80 tuổi. Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi giảm xuống dưới 3%.

. Văn hoá truyền thống, di sản văn hoá vật thể và phi vật thể được bảo tồn. Những công trình văn hoá lớn, tiêu biểu của vùng được kiến tạo và xây dựng hiện đại. Mạng lưới an sinh xã hội rộng khắp, đa dạng và hiệu quả. Tỷ lệ hộ nghèo khoảng 2%, có trên 70% người lao động tham gia bảo hiểm xã hội.

+ Về kết cấu hạ tầng đô thị:

. Có hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ và hiện đại. Hệ thống vận tải hành khách công cộng đa dạng, văn minh và an toàn kết nối thành phố Hồ Chí Minh với các đô thị vệ tinh, các huyện và với các đô thị ngoài vùng.

. Đảm bảo 100% người dân có nhà ở với tiện nghi sinh hoạt cần thiết phù hợp với trình độ phát triển kinh tế, xã hội của từng tỉnh, thành phố trong vùng với diện tích nhà ở bình quân đầu người khu vực đô thị đạt từ 20 - 25 m²/người. Nhà ở, đất ở khu vực nông thôn được quy hoạch hợp lý, có môi trường sống tốt và điều kiện làm việc thuận tiện theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

. Hệ thống lưới điện được hiện đại hóa, đảm bảo vận hành hiệu quả, an toàn; có 100% hệ thống cấp điện, cáp thông tin ở các thành phố, thị xã được ngầm hoá; hệ thống chiếu sáng tại các đô thị được xây dựng theo tiêu chuẩn. Trên 70% dân số sử dụng Internet. 100% hộ dân cư được cung cấp nước sạch sinh hoạt. Tình trạng ngập úng ở khu vực đô thị cơ bản được giải quyết.

+ Về môi trường: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống xử lý rác thải, chất thải, nước thải đạt chuẩn môi trường. Sử dụng hợp lý và có hiệu quả tài nguyên, cảnh quan thiên nhiên và các không gian phát triển theo hướng bền vững.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Công nghiệp:

Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp tạo sản phẩm có giá trị gia tăng cao và công nghiệp hỗ trợ. Phân đầu tốc độ tăng ngành công nghiệp khoảng 8,5 - 9% giai đoạn 2011 - 2015 và 8,5 - 9% giai đoạn 2016 - 2020; tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GDP khoảng 49% năm 2020.

- Ưu tiên phát triển nhanh các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng và tạo nhiều giá trị gia tăng. Chuyên hướng mạnh mẽ từ phát triển công nghiệp theo chiều rộng sang phát triển công nghệ hiện đại với hàm lượng khoa học công nghệ cao. Ưu tiên phát triển công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin trở thành ngành mũi nhọn. Phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ nhằm nâng cao tính chủ động trong sản xuất và giá trị quốc gia trong sản phẩm như sản xuất linh kiện, phụ liệu sửa chữa, bảo dưỡng.

- Tiếp tục phát triển một số ngành công nghiệp có lợi thế như: dầu khí, thép, cơ khí, điện, phân bón, hóa chất, công nghiệp vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp thực phẩm; sản xuất hàng tiêu dùng, dệt may, giấy da, nhựa.

- Đẩy mạnh đầu tư xây dựng các khu công nghiệp và khu chế xuất theo quy hoạch. Hoàn thiện kết cấu hạ tầng trong và ngoài hàng rào khu công nghiệp gắn với xây dựng đồng bộ các điểm dân cư mới phù hợp quy hoạch phát triển đô thị của mỗi địa phương, đảm bảo điều kiện sống cho người lao động. Hình thành vành đai công nghiệp - đô thị của Vùng, hạn chế phát triển thêm các khu công nghiệp trong khu vực trung tâm thành phố Hồ Chí Minh; chuyên dân các cơ sở công nghiệp sang khu vực còn dư địa phát triển, nhất là các tỉnh Tây Ninh, Long An, Bình Phước, Tiền Giang. Tạo điều kiện thuận lợi về đất đai, cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào để phát triển tổ hợp quy mô lớn về công nghiệp - dịch vụ và đô thị theo mô hình đô thị công nghệ cao tại Long Thành, thành phố mới Phú Mỹ, Khu liên hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị Bình Dương.

2. Khu vực dịch vụ:

Phát triển các ngành dịch vụ với tốc độ nhanh, chất lượng cao và bền vững. Phần đầu đạt mức tăng trưởng khu vực dịch vụ khoảng 10 - 10,5%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và 8,5 - 9% giai đoạn 2016 - 2020; nâng tỷ trọng khu vực dịch vụ trong GDP của vùng lên 49 - 50% vào năm 2020.

- Tập trung phát triển các ngành dịch vụ: Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm; Vận tải và kho vận quốc tế; Viễn thông, công nghệ thông tin; Du lịch; Y tế (đặc biệt dịch vụ y tế kỹ thuật cao); Giáo dục, đào tạo.

- Phát triển thị trường bất động sản, thị trường vốn, thị trường chứng khoán. Hình thành hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại, hiện đại, đồng bộ, hợp lý để phát triển dịch vụ phân phối, bao gồm mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, kho bãi..

- Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh là hạt nhân, trở thành trung tâm dịch vụ tầm khu vực Đông Nam Á, phát triển đồng bộ các loại hình dịch vụ về tài chính, ngân hàng, thương mại, du lịch, giao lưu quốc tế, viễn thông, vận tải biển. Phát triển thành phố Vũng Tàu là trung tâm du lịch, trung tâm dịch vụ

khai thác dầu khí cấp quốc gia và quốc tế. Xây dựng đô thị Biên Hòa và Thủ Dầu Một, là trung tâm dịch vụ lớn về phát triển công nghiệp. Các thị xã, thành phố tỉnh lỵ như Tây Ninh, Đồng Xoài, Tân An, Mỹ Tho là các trung tâm dịch vụ và là đầu mối kết nối với các tỉnh vùng Tây Nguyên và vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Xây dựng đồng bộ các khu kinh tế cửa khẩu ở Tây Ninh, Bình Phước và Long An bao gồm cả hệ thống kho ngoại quan, cụm kho lưu hàng tạm nhập tái xuất, bãi kiểm hóa... nhằm phát triển mạnh quan hệ buôn bán, xuất nhập khẩu với Campuchia và các nước khác trong khu vực.

- Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, góp phần tích cực vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng. Thúc đẩy tăng trưởng du lịch theo hướng bền vững, tạo chuyển biến cơ bản về chất lượng dịch vụ, xây dựng hình ảnh vùng kinh tế trọng điểm phía Nam như một điểm đến an toàn, thân thiện với nhiều sản phẩm du lịch phong phú, hấp dẫn. Phát triển du lịch đồng bộ, cả du lịch quốc tế và du lịch nội địa, đảm bảo đạt hiệu quả cao về kinh tế, chính trị và xã hội; lấy phát triển du lịch quốc tế là hướng chiến lược lâu dài, du lịch nội địa là then chốt. Tập trung phát triển du lịch MICE gắn với văn hóa, lễ hội, giải trí; du lịch nghỉ dưỡng biển, du lịch giải trí cuối tuần, du lịch thể thao, du lịch mua sắm và du lịch gắn với cửa khẩu. Hoàn thành quy hoạch các khu, điểm du lịch quốc gia trên địa bàn Vùng. Mục tiêu đến năm 2015, vùng KTTĐ phía Nam đón khoảng 18 triệu lượt khách, trong đó có 4,5 triệu khách du lịch quốc tế; năm 2020 tương ứng sẽ là 21,5 triệu (trong đó khách quốc tế là 5,5 triệu); tổng thu từ du lịch năm 2015 là 3.200 triệu USD và năm 2020 đạt khoảng 5.300 triệu USD.

3. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản:

- Phát triển nông nghiệp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam toàn diện, bền vững theo hướng sản xuất hàng hoá lớn với hình thức tổ chức sản xuất và kỹ thuật hiện đại. Chú trọng phát triển nông nghiệp sinh thái, thân thiện với môi trường và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả kinh tế trên mỗi đơn vị diện tích.

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị sản phẩm hàng hóa; phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, cải thiện chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn. Ứng dụng rộng rãi khoa học kỹ thuật trong các khâu sản xuất, chế biến và bảo quản sản phẩm sau thu hoạch. Xây dựng vùng thành một trung tâm giống quốc gia với các cơ sở nghiên cứu thực nghiệm, ứng dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, đầu mối tiếp nhận, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp; xây dựng thương hiệu cho một số nông sản có thế mạnh và đặc trưng của vùng.

- Thiết lập lâm phần ổn định theo hướng phát triển rừng cùng với các

loại cây công nghiệp dài ngày góp phần cải thiện môi trường sinh thái, phát triển bền vững; củng cố và bảo vệ hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn cho các hồ đập và thủy điện, rừng phòng hộ môi trường cho các khu công nghiệp, các thành phố lớn và phòng hộ ven biển. Bảo vệ các khu rừng để duy trì các hệ thực vật, động vật và đa dạng sinh học, các nguồn gen quý hiếm, đặc biệt là khu vực rừng đầu nguồn, rừng chắn gió chắn sóng ven biển, rừng ngập mặn.

- Mở rộng quy mô nuôi trồng theo phương thức thâm canh và bán thâm canh, đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm, nâng cao hiệu quả trong khai thác, chế biến và nuôi trồng thủy, hải sản. Duy trì và nâng cấp đội tàu khai thác thủy, hải sản xa bờ trên cơ sở bảo vệ môi trường sinh thái và tái tạo nguồn lợi thủy sản.

4. Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng:

a) Giao thông vận tải

- Đẩy nhanh xây dựng các tuyến đường bộ cao tốc. Đến năm 2020 hoàn thành khoảng 580 km đường bộ cao tốc; 80% đường giao thông nông thôn được cứng hóa mặt. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình trọng điểm để giải quyết ùn tắc giao thông và phát triển đô thị.

- Hoàn thành nâng cấp, cải tạo tuyến đường sắt Bắc - Nam và khu đầu mối thành phố Hồ Chí Minh; xây dựng đường sắt kết nối với các cảng biển, khu kinh tế lớn; mở mới các tuyến đường sắt kết nối nội vùng và đồng bằng sông Cửu Long; nghiên cứu đầu tư xây dựng tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam vào thời điểm thích hợp.

- Cải tạo, nâng cấp và hoàn thành đưa vào cấp kỹ thuật các luồng tuyến vận tải thủy nội địa; nâng cấp và đầu tư có chiều sâu các cảng sông. Chuyển đổi công năng một số cảng hàng hóa phù hợp với quy hoạch đô thị để phục vụ vận tải khách và du lịch.

- Nâng cấp các cảng hàng không hiện có để đáp ứng nhu cầu trong từng thời kỳ; hoàn thành xây dựng đưa vào khai thác giai đoạn I cảng hàng không quốc tế Long Thành.

b) Cấp điện và bưu chính viễn thông

- Tập trung triển khai xây dựng và hoàn thành các nhà máy điện, mạng lưới phân phối điện đồng bộ, phù hợp với Tổng sơ đồ phát triển Điện lực 7 và tiến độ vận hành các nhà máy điện. Nghiên cứu áp dụng lưới điện thông minh, công nghệ hiện đại trong việc kết nối và điều tiết, hoà mạng đồng bộ với hệ thống lưới điện quốc gia và khu vực.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông hiện đại, đặc biệt tại thành phố Hồ Chí Minh và các đô thị trung tâm. Phát triển ngành bưu chính, viễn thông và

công nghệ thông tin theo hướng đa dạng hóa dịch vụ, mở rộng phạm vi và không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ. Phát triển bưu chính đạt trình độ hiện đại ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực. Ứng dụng rộng rãi và hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước, các ngành kinh tế, các lĩnh vực xã hội, văn hóa và an ninh quốc phòng.

c) Cấp, thoát nước nước: Xây dựng hoàn thiện hệ thống cấp nước, đáp ứng đủ nhu cầu sinh hoạt cho các đô thị, khu dân cư và khu công nghiệp. Tập trung giải quyết tiêu thoát nước cho các khu đô thị, chống ô nhiễm nguồn nước, đặc biệt là hạ lưu sông Đồng Nai - Sài Gòn. Giảm thiểu tổn thất lũ bão cho các vùng hạ du, ven biển. Từng bước giải quyết dứt điểm tình trạng ngập úng tại thành phố Hồ Chí Minh và tiêu thoát nước cho các khu đô thị.

d) Thủy lợi: Kiên cố hóa hệ thống các công trình thủy lợi trong vùng nhằm cấp đủ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Xây dựng các công trình chuyển nước từ lưu vực sông Đồng Nai sang vùng đồng bằng sông Cửu Long vào mùa khô qua sông Vàm Cỏ phục vụ sản xuất về mùa khô; Tập trung giải quyết cấp nước sản xuất cho các vùng thiếu nước về mùa khô nhằm ngăn mặn xâm nhập sâu, nhất là vùng ven sông Sài Gòn. Kiên cố hóa hệ thống đê sông, đê biển nhằm phòng tránh có hiệu quả thiên tai và bảo đảm sản xuất của nhân dân.

5. Các lĩnh vực xã hội:

a) Đào tạo nguồn nhân lực, giải quyết việc làm và an sinh xã hội:

- Đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo chất lượng trên cả 3 mặt (trình độ chuyên môn cao, sức khỏe và phẩm chất đạo đức) và cơ cấu ngành hợp lý. Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu tiếp nhận công nghệ hiện đại.

- Tiếp tục đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm tỉ trọng và số lượng lao động trong nhóm ngành nông lâm ngư nghiệp, tăng qui mô và tỉ trọng lao động phi nông nghiệp phù hợp với quá trình phát triển kinh tế để tăng nhanh năng suất lao động xã hội. Chú trọng tạo việc làm gắn với nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống người lao động. Bình quân hàng năm giải quyết việc làm cho khoảng 34 - 35 vạn lao động.

- Phát triển đào tạo nguồn nhân lực gắn với phát triển của các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Triển khai đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các Chương trình, dự án giảm nghèo; tạo cơ hội cho hộ nghèo tiếp cận các chính sách trợ giúp về đất đai, tín dụng, dạy nghề; hỗ trợ, tạo điều kiện cho các hộ nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập để thoát nghèo bền vững.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao thu nhập và đời sống của nhân dân phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Đảm bảo mọi người dân tiếp cận bình đẳng đối với các dịch vụ cơ bản và phúc lợi

xã hội, được tạo điều kiện phát triển toàn diện và hòa nhập tốt với cộng đồng; thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ các nhóm dân cư yếu thế.

- Thực hiện tốt chính sách xã hội, chăm sóc người có công với nước, chăm lo đào tạo, dạy nghề, tạo việc làm cho con em gia đình chính sách; đẩy mạnh các hoạt động từ thiện, nhân đạo hỗ trợ người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn.

b) Giáo dục, đào tạo:

- Phát triển giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và giáo dục toàn diện, tạo chuyển biến căn bản về chất lượng, hiệu quả và quy mô. Tập trung đào tạo nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển vùng và cả nước, nhất là nhu cầu nhân lực trong các lĩnh vực mũi nhọn.

- Đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm đào tạo chất lượng cao có uy tín quốc tế. Ưu tiên đầu tư cho các trường đại học trọng điểm trong Vùng để nhanh chóng tiếp cận với trình độ đào tạo của khu vực trong một số lĩnh vực thế mạnh. Đẩy mạnh xã hội hoá, huy động mọi nguồn lực vào phát triển giáo dục đào tạo, mở rộng hợp tác, liên kết trong và ngoài nước đi đôi với đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

- Ưu tiên, tập trung đầu tư cho 8 trường dạy nghề chất lượng cao với các nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế nhằm đáp ứng yêu cầu về lao động chất lượng cao cho phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác đào tạo nghề.

c) Y tế:

- Tập trung phát triển các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ y học đạt trình độ cao trong khu vực nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo, tiếp nhận chuyên gia khoa học và nhu cầu khám chữa bệnh.

- Phát triển các trung tâm y tế và bệnh viện cấp vùng theo hướng hiện đại, kỹ thuật cao; Xây dựng trung tâm y tế chuyên sâu tại thành phố Hồ Chí Minh; xây dựng, nâng cấp các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa cấp tỉnh đạt chuẩn bệnh viện hạng I nhằm đáp ứng cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

- Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế dự phòng theo hướng thu gọn đầu mối, tăng cường hiệu quả, đủ năng lực dự báo, phát hiện sớm, khống chế kịp thời dịch bệnh, kiểm soát các yếu tố nguy cơ phổ biến ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng và nâng cao sức khỏe nhân dân. Tiếp tục củng cố, hoàn thiện và nâng cao năng lực mạng lưới y tế xã, phường để người dân được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu có chất lượng ngay tại cộng đồng, bảo đảm

90% trạm y tế xã có bác sỹ và trên 80% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã.

d) Văn hoá, thể dục thể thao:

- Phát triển đồng bộ hệ thống các công trình văn hóa cấp tỉnh, huyện và xã. Phấn đấu toàn vùng có 100% ấp, làng, khu phố có nhà văn hóa cộng đồng và khu hoạt động thể thao đạt quy định; 80% di tích cấp quốc gia và tỉnh, thành phố được tu bổ, tôn tạo. Phát triển hệ thống các công trình văn hóa, thể thao ven các khu công nghiệp.

- Hoàn thành xây dựng Khu liên hợp thể thao Rạch Chiếc thành phố Hồ Chí Minh và một số công trình văn hóa tiêu biểu mang đặc trưng Vùng.

- Đến năm 2020 có 30 - 35% dân số luyện tập thể dục thể thao thường xuyên. Tiếp tục duy trì, phát triển và nâng cao chất lượng các môn thể thao thành tích cao ở một số bộ môn như bóng đá, bóng chày, quần vợt...

6. Khoa học và công nghệ

- Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong vùng, tăng cường đầu tư cho các Viện nghiên cứu đầu ngành, trung tâm khoa học và công nghệ, các phòng thí nghiệm trọng điểm, các cơ sở ứng dụng và chuyển giao công nghệ. Xúc tiến đầu tư vào Khu công nghệ thành phố Hồ Chí Minh, xây dựng thêm một số khu công nghệ cao tại các địa bàn có điều kiện.

- Phát huy vai trò đầu tàu trong phát triển khoa học công nghệ cả nước. Tăng cường đổi mới công nghệ theo hướng công nghệ mới, công nghệ cao, hiện đại; ưu tiên công nghệ sạch, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa và công nghệ vật liệu mới, đẩy nhanh đầu tư phát triển khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế biển.

7. Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường:

- Sử dụng quỹ đất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững. Khai thác, sử dụng đất phải đúng mục đích, quy mô và tuân thủ chặt chẽ tiêu chí, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đã quy định trong các quy hoạch chuyên ngành, phù hợp với quy hoạch tổng thể, kế hoạch sử dụng đất từng thời kỳ trên địa bàn tỉnh, thành phố và trên toàn vùng. Nâng cao giá trị của đất và hiệu quả kinh tế trên mỗi đơn vị diện tích, tăng nguồn thu từ đất, tạo ra nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Bảo vệ hệ sinh thái rừng ngập mặn, rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ. Kiểm soát hoạt động sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản; thiết lập hệ thống quan trắc chất lượng nước; xây dựng đồng bộ hệ thống thoát nước

thải, hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn, nhất là chất thải nguy hại tại các đô thị, các khu công nghiệp.

8. Quốc phòng - an ninh:

- Tăng cường tiềm lực quốc phòng, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, đẩy mạnh xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố vững chắc. Xây dựng các lực lượng vũ trang vững mạnh; đội quân thường trực chính quy - hiện đại, phát triển dân quân và tự vệ phù hợp với từng khu vực phòng thủ. Chú trọng xây dựng lực lượng tự vệ biển và tăng cường khả năng phòng thủ bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia trên các vùng biển đảo, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội các vùng biển đảo và ven biển.

- Xây dựng lực lượng tinh nhuệ, giỏi về nghiệp vụ, vững vàng về chính trị, đi đôi với tăng cường cơ sở vật chất và trang thiết bị. Củng cố thế trận an ninh nhân dân, tăng cường lực lượng tuyến xã, đảm bảo không để xảy ra tình huống bất ngờ. Phối hợp các lực lượng nhằm thực hiện có hiệu quả các chương trình quốc gia về phòng chống tội phạm và bài trừ các tệ nạn xã hội.

IV. PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ VÙNG

1. Phát triển và phân bố hệ thống đô thị:

- Tạo sự liên kết mang tính hệ thống giữa các đô thị trong vùng. Hình thành cơ cấu đa trung tâm nhằm tạo động lực để phát triển các vùng xung quanh, đồng thời giảm áp lực cho khu vực trung tâm thành phố Hồ Chí Minh.

- Phát triển các đô thị: Vũng Tàu, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Mỹ Tho trở thành đô thị loại I trực thuộc tỉnh, đóng vai trò là các cực phát triển trong hệ thống đô thị của Vùng.

- Phát triển các đô thị vệ tinh: Nhơn Trạch, Long Thành, Tam Phước, Hiệp Phước, Củ Chi, Đức Hòa, Trảng Bom, An Lạc, Nhà Bè, Cần Giuộc, Dĩ An - Thuận An, Tân An, Gò Công, Bến Lức, Cần Giuộc. Phát triển các hành lang đô thị từ thành phố Hồ Chí Minh gắn kết với các hành lang đô thị hóa như QL1A, QL51, QL22, QL13 và QL50. Phát triển các thị trấn huyện lỵ nằm ngoài ranh giới 50km từ trung tâm thành phố Hồ Chí Minh là các cực phát triển, tạo điều kiện để phát triển khu vực nông thôn.

2. Phát triển nông thôn và phân bố các điểm dân cư

- Tổ chức lại các điểm dân cư dọc các trục lộ giao thông đảm bảo mỹ quan, môi trường, an toàn giao thông. Quy hoạch cải tạo và xây dựng các làng nghề theo hướng phát triển bền vững.

- Hình thành các trung tâm dịch vụ nông thôn; xây dựng các tuyến, cụm dân cư nông thôn có cơ sở hạ tầng đồng bộ đạt tiêu chuẩn theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

3. Phát triển phát triển các tiểu vùng:

- Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh trở thành một trung tâm dịch vụ, công nghiệp, khoa học và công nghệ của khu vực Đông Nam Á.

- Tiểu vùng Đông Bắc gồm Đông Nai, Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu: Là địa bàn phát triển năng động của Vùng, chú trọng nâng cao sức cạnh tranh về công nghiệp, phát triển dịch vụ đồng bộ phục vụ tốt cho các ngành công nghiệp chủ lực và mũi nhọn, gia tăng hàm lượng công nghệ, lao động kỹ thuật trong các ngành kinh tế.

Đẩy mạnh lĩnh vực dịch vụ của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, trong đó phát triển cảng là nhiệm vụ trung tâm, đồng thời phát triển mạnh dịch vụ logistics. Xây dựng các loại hình, các sản phẩm du lịch có tính cạnh tranh cao như: du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, du lịch biển - đảo. Đầu tư phát triển Côn Đảo theo hướng xây dựng thành Khu kinh tế du lịch - dịch vụ chất lượng cao.

- Tiểu vùng Tây Bắc gồm Tây Ninh, Bình Phước: phát triển theo hướng đón đầu quá trình chuyển dịch công nghiệp từ các địa phương khác đồng thời khai thác lợi thế các khu kinh tế cửa khẩu, mở rộng hoạt động kinh tế, thương mại với Campuchia. Xây dựng các điểm, khu dân cư biên giới gắn với đảm bảo quốc phòng - an ninh.

- Tiểu vùng Tây Nam gồm Long An và Tiền Giang: Phát huy vai trò cửa ngõ, cầu nối giữa vùng Đồng bằng sông Cửu Long và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Tiếp tục đầu tư để đảm bảo vững chắc an ninh lương thực và tham gia xuất khẩu. Hình thành các vùng chuyên canh cây ăn quả. Đẩy nhanh tiến độ triển khai và khai thác có hiệu quả các khu, cụm công nghiệp; khuyến khích phát triển các ngành dịch vụ, đặc biệt là các dịch vụ hỗ trợ phát triển sản xuất và đời sống.

- Phát triển kinh tế biển: Triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, phát triển mạnh kinh tế biển, nâng cao đóng góp của kinh tế biển vào phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Xây dựng vùng ven biển trở thành "vùng kinh tế mở", hướng mạnh ra bên ngoài. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế biển với bảo đảm an ninh quốc phòng và bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển.

V. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ : Có Phụ lục kèm theo.

VI. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Các lĩnh vực ưu tiên phát triển:

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh của các ngành kinh tế.

+ Hình thành, phát triển hệ thống sản phẩm chủ lực, nâng cao năng lực cạnh tranh dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại và hiệu ứng tổng hợp từ các mối liên kết sản xuất, kinh doanh.

+ Phát triển sản phẩm công nghiệp có giá trị gia tăng cao như: Phần mềm, điện tử công nghiệp và dân dụng; các sản phẩm hoá dầu; vật liệu xây dựng cao cấp; cơ khí chế tạo, thiết bị, phụ tùng và sửa chữa.

+ Phát triển các loại dịch vụ chất lượng cao, tạo giá trị gia tăng lớn như dịch vụ thương mại, tài chính, ngân hàng, viễn thông, vận tải; chuyên giao công nghệ; du lịch; thị trường bất động sản, thị trường vốn...

- Tăng cường đầu tư xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ và đi trước một bước. Ưu tiên hoàn thành các trục kết nối liên tỉnh, liên vùng, hệ thống đường cao tốc, đường bộ, sân bay và cảng biển theo hướng đồng bộ, hiện đại nhằm kết nối giữa các khu vực và giữa các phương thức vận tải. Tập trung giải quyết tốt vấn đề tắc nghẽn giao thông, ngập úng tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; nâng cao chất lượng và quy mô đào tạo với cơ cấu ngành nghề hợp lý hướng vào các ngành mũi nhọn như: tài chính, ngân hàng, giao thông vận tải, phần mềm, điện tử, viễn thông; công nghệ cao như tự động hóa, sinh học, vật liệu mới,...

- Đẩy mạnh liên kết, tạo lập không gian kinh tế thống nhất trên toàn vùng, tăng cường sự phối hợp và hỗ trợ giữa các địa phương; tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính ở tất cả các cấp và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức.

2. Huy động và sử dụng ngày càng hiệu quả hơn các nguồn vốn:

- Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn Nhà nước để phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển nguồn nhân lực, khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường và thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Đầu tư từ ngân sách cho các công trình, dự án phát triển cơ sở hạ tầng quan trọng nhưng khó thu hút nhà đầu tư bên ngoài; tăng cường thu hút kêu gọi đầu tư theo các hình thức BOT, BTO, PPP... đặc biệt trong lĩnh vực giao thông.

- Cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia phát triển kinh tế - xã hội. Làm tốt công tác thu hút, kêu gọi và định hướng đầu tư. Ban hành chính sách ưu đãi theo các nhóm ngành ưu tiên phát triển trên mỗi địa bàn dựa vào lợi thế, tiềm năng của từng địa phương. Đổi mới cơ chế, chính sách nhằm thu hút tối đa các nguồn lực tài chính từ các thành phần kinh tế, đặc biệt là huy động nguồn vốn nhân rỗi trong dân cư để phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Tiếp tục đẩy mạnh thu hút FDI phù hợp với quá trình hội nhập. Đổi

mới hoạt động xúc tiến đầu tư nước ngoài theo hướng cần tập trung vào các ngành, lĩnh vực mà vùng có lợi thế; hướng vào các đối tác giàu tiềm năng, nhất là các nước phát triển, đồng thời tiếp tục mở rộng đối với các đối tác đã đầu tư nhiều vào vùng.

3. Chuyển dịch cơ cấu và nâng cao năng lực cạnh tranh các ngành kinh tế, các sản phẩm chủ lực:

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Tập trung phát triển các ngành có lợi thế so sánh, tạo ra tỷ lệ giá trị gia tăng cao, từng bước giảm tỷ trọng các ngành khai thác tài nguyên, sơ chế và gia công. Ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ có chất lượng và mức độ chuyên môn hóa cao, tạo nhiều việc làm và thu nhập như tài chính - ngân hàng, viễn thông, công nghệ thông tin, du lịch, thương mại, logistics.

- Phát triển nguồn nhân lực:

+ Hoàn thành và sớm triển khai quy hoạch phát triển nhân lực các địa phương, gắn định hướng phát triển nhân lực với phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu thị trường lao động. Tăng tỷ lệ gắn liền với tăng chất lượng lao động qua đào tạo, tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành tạo ra sản phẩm xuất khẩu, đặc biệt là sản phẩm dịch vụ xuất khẩu, tỷ lệ lao động làm việc trong các lĩnh vực công nghệ cao.

+ Tạo cơ chế khuyến khích các chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài tham vấn về những vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương và của cả vùng.

- Thúc đẩy, nâng cao chất lượng nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ: Xây dựng các nhiệm vụ khoa học công nghệ gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, trước mắt cần tập trung đầu tư, đào tạo nguồn nhân lực khoa học công nghệ có khả năng làm chủ các công nghệ mới để ứng dụng vào thực tiễn, đồng thời thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao từ nước ngoài để ứng dụng khoa học và phát triển công nghệ tiên tiến.

- Phát triển các thành phần kinh tế: Tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh theo hướng thông thoáng, cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tiếp cận thông tin, thâm nhập và mở rộng thị trường. Tranh thủ sự giúp đỡ của các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài về thông tin thị trường và giới thiệu đối tác nước ngoài trong quá trình liên doanh liên kết; cung cấp thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp nhằm hạn chế các tác động tiêu cực có thể phát sinh trong quá trình hội nhập. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường, xúc tiến thương mại; khuyến khích doanh nghiệp trong nước xây dựng và phát triển thương hiệu.

- Cải cách hành chính và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức: Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công; công khai quy trình thủ tục, thời gian giải quyết... dưới các hình thức để người dân và doanh nghiệp

theo dõi và đánh giá. Tiếp tục triển khai, nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa trong giải quyết công việc của tổ chức và công dân. Mở rộng thực hiện cơ chế một cửa liên thông giữa các sở - ngành, giữa sở - ngành với UBND các quận - huyện, phường - xã trong giải quyết thủ tục hành chính. Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin, hiện đại hóa nền hành chính.

4. Đẩy mạnh sự phối hợp gắn kết giữa các địa phương trong và ngoài vùng trong quá trình xúc tiến đầu tư, huy động và phân bổ nguồn lực, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đào tạo, thu hút và tạo việc làm; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng các chương trình, tuyến du lịch liên tỉnh, liên vùng; cung cấp thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội cho vùng phục vụ cho công tác dự báo và phối hợp phát triển bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

5. Xây dựng cơ chế liên kết:

- Củng cố kiện toàn Ban Chỉ đạo, Văn phòng Ban chỉ đạo điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm để nâng cao chất lượng của hoạt động điều phối; đặc biệt là tăng cường hiệu quả hoạt động của Tổ thường trực Ban Chỉ đạo điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm.

- Nâng cao chất lượng công tác phối hợp giữa các Bộ, ngành và các địa phương trong Vùng; xây dựng chương trình hành động cụ thể và phân công trách nhiệm rõ ràng đi kèm với đánh giá mức độ phối hợp của các cơ quan trong quá trình phối hợp thực hiện quy hoạch.

- Tổ chức định kỳ hàng năm Diễn đàn Doanh nghiệp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, nhằm tăng cường giao lưu và đối thoại trực tiếp giữa các nhà đầu tư với chính quyền các tỉnh, thành phố trong vùng.

- Nghiên cứu ban hành cơ chế tài chính, ngân sách đặc thù đối với thành phố Hồ Chí Minh, tạo nguồn lực để thành phố Hồ Chí Minh đầu tư phát triển hạ tầng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và toàn vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Điều 2. Tổ chức, giám sát thực hiện Quy hoạch

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt là cơ sở cho việc lập điều chỉnh, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trong Vùng.

2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong vùng có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch, tổ chức các hoạt động xúc tiến

đầu tư, tuyên truyền, quảng bá nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, các thành phần kinh tế tham gia thực hiện Quy hoạch.

- Chủ trì theo dõi, đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Quy hoạch Vùng, giám sát thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm có quy mô, tính chất vùng.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế phối hợp, chính sách liên kết, điều phối giữa các địa phương trong Vùng. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan kêu gọi đầu tư đối với các dự án trọng điểm của Vùng.

3. Các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm:

Lập điều chỉnh, trình phê duyệt các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực trên địa bàn vùng phù hợp với những mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Nghiên cứu, xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm thực hiện thắng lợi những mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra trong Quy hoạch.

Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc triển khai và giám sát thực hiện quy hoạch, giám sát thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm có quy mô, tính chất vùng theo thứ tự ưu tiên thuộc lĩnh vực quản lý.

Các nhiệm vụ cụ thể đối với các Bộ, ngành như sau:

a) Bộ Giao thông vận tải:

- Chỉ đạo xây dựng, hoàn thành các công trình giao thông quan trọng trên địa bàn Vùng.

- Đề xuất cơ chế huy động vốn cho các dự án phát triển giao thông vận tải quy mô lớn trên địa bàn Vùng.

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Xây dựng, trình phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch hạ tầng phục vụ sản xuất, các sản phẩm nông nghiệp, các lĩnh vực do Bộ quản lý trên địa bàn Vùng.

- Đề xuất cơ chế, chính sách về đất đai, tài chính, tính dụng... khuyến khích đầu tư công nghệ cao vào sản xuất các sản phẩm nông, lâm, thủy sản chủ lực của Vùng.

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết giữa các cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp sử dụng nhân lực sau đào tạo; tạo điều kiện để các trường đại học trong Vùng hiện đại hóa cơ sở vật chất, phát triển đội ngũ giảng viên và chương trình đào tạo ngang tầm các nước tiên tiến trong

khu vực.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và thành phố Hồ Chí Minh trong việc xây dựng thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho cả Vùng. Tạo điều kiện để xây dựng trường đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm đào tạo chất lượng cao ngang tầm quốc tế.

d) Bộ Công Thương: Chỉ đạo xây dựng đúng tiến độ và quy hoạch các trung tâm điện lực và mạng lưới cấp điện trên địa bàn vùng. Chỉ đạo, phối hợp với các địa phương liên quan trong việc xây dựng mạng lưới chợ đầu mối, các trung tâm thương mại quy mô vùng.

đ) Bộ Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì và phối hợp với các địa phương liên quan trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; bảo vệ và khai thác nguồn tài nguyên, kiểm soát và khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường gắn với tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học; bảo vệ và khai thác nguồn nước hợp lý; bảo vệ các Vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên. Hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương trong vùng lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để chuẩn bị quỹ đất phục vụ các chương trình, dự án liên quan thực hiện quy hoạch.

e) Bộ Xây dựng: Chủ trì lập quy hoạch, kiểm tra, giám sát xây dựng các khu xử lý chất thải nguy hại, nghĩa trang, hệ thống cấp nước quy mô vùng; phối hợp với các địa phương trong việc xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, từng bước giải quyết dứt điểm tình trạng ngập úng tại các đô thị.

g) Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch: Chủ trì phối hợp với các địa phương, Bộ, ngành có liên quan hoàn thiện: Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, thể dục thể thao và du lịch; quy hoạch tổng thể phát triển Khu và điểm du lịch Quốc gia trên địa bàn vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong Vùng:

- Phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, tuyên truyền, quảng bá, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước và các thành phần kinh tế tham gia thực hiện quy hoạch.

- Các tỉnh, thành phố trong Vùng chủ động rà soát quy hoạch chi tiết, các chương trình, dự án đầu tư; có kế hoạch lồng ghép quy hoạch vào các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm và hàng năm phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ được phê duyệt tại Quyết định này.

- Tổ chức giám sát, kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư phát triển trên địa bàn theo chức năng được phân công, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

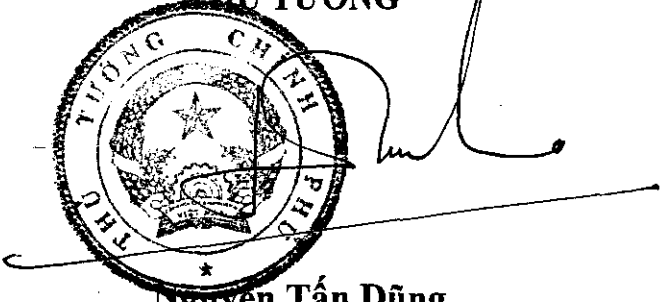
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTgCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3). 140

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



Phụ lục

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ
VÙNG KTTĐ PHÍA NAM ĐẾN NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 252/QĐ-TTg

ngày 13 tháng 02 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN
I	Hạ tầng giao thông
1	Đường bộ:
-	Đường vành đai 2 TP. Hồ Chí Minh.
-	Đường vành đai 3 TP. Hồ Chí Minh.
-	Đường vành đai 4 TP. Hồ Chí Minh.
-	05 Tuyến đường trên cao TP. Hồ Chí Minh.
-	Các cầu lớn, hầm vượt sông: Đồng Nai, Sài Gòn, Thị Vải, Nhà Bè, Lòng Tàu.
-	Các tuyến quốc lộ:
	QL1A: Mở rộng, nâng cấp, xây tuyến tránh.
	QL 51: Mở rộng, nâng cấp.
	QL 56: Đồng Nai - thị xã Bà Rịa.
	QL22: TP Hồ Chí Minh - Mộc Bài.
	QL22B: Nâng cấp đường gò Dầu - Cửa khẩu Xa Mát (Tây Ninh).
	QL 13 từ TP. Hồ Chí Minh - Cửa khẩu Hoa Lư.
	QL20: Dầu giây (Đồng Nai) - Đà Lạt (Lâm Đồng).
-	Các trục cao tốc qua vùng:
	TP. Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây .
	TP Hồ Chí Minh - Thủ Dầu 1 - Chơn Thành.
	TP Hồ Chí Minh - Trung Lương (mở rộng).
	Biên Hòa - Vũng Tàu.
	Bến Lức - Nhơn Trạch - Long Thành.
-	Các trục đường chức năng:

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN
	Đường liên cảng Cái Mép - Thị Vải (cả cầu Phước An).
	Đường liên cảng Đồng Nai.
	Đường Gò Găng - Long Sơn.
	Đường Mỹ Phước - Tân Vạn.
2	Đường sắt
-	Nâng cấp cải tạo đường sắt đầu mối hiện có
	Đường sắt đầu mối TP. Hồ Chí Minh .
	Biên Hòa - Vũng Tàu.
	Bình Triệu - Hòa Hưng - Tân Kiên.
-	Đường sắt nội đô TP. Hồ Chí Minh .
3	Đường biển
-	Các bến cảng khách tại TP. Hồ Chí Minh, Vũng Tàu.
4	Đường thủy nội địa
-	Tuyến Sài Gòn - Kiên Lương (qua kênh Sa Đéc - Lấp Vò).
-	Tuyến Sài Gòn - Kiên Lương (qua Kênh Tháp Mười).
-	Kênh Chợ Gạo.
-	Tuyến Sài Gòn - Cà Mau (qua kênh Xà No).
5	Cảng hàng không
-	Nâng cấp CHKQT Tân Sơn Nhất- TP. Hồ Chí Minh.
-	Xây dựng CHKQT Long Thành - Đồng Nai .
-	Cải tạo, nâng cấp CHK Côn Sơn - Bà Rịa Vũng Tàu.
II	Các khu công nghệ cao
1	Khu Công nghệ cao II tại thành phố Hồ Chí Minh.
2	Trung tâm Công nghệ sinh học tại thành phố Hồ Chí Minh.
3	Khu đô thị công nghệ cao Long Thành.
4	Khu nông nghiệp công nghệ cao tại thành phố Hồ Chí Minh.
III	Thương mại, kho bãi, vận tải
1	Trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế tại thành phố Hồ Chí Minh.
2	Trung tâm giao dịch, triển lãm nông sản tại thành phố Hồ Chí Minh.

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN
3	Các kho trữ nông sản tại tỉnh, thành phố trong Vùng.
IV	Xử lý chất thải
1	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn công nghiệp độc hại tại thành phố Hồ Chí Minh.
2	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn tại các tỉnh, thành phố .
V	Thủy lợi
1	Dự án 5 kênh Bắc Quốc lộ 1.
2	Dự án nâng cấp đê biển và ngọt hóa Gò Công.
3	Dự án cải tạo hệ thống kênh chính Cái Cỏ - Long Khốt.
4	Dự án thủy lợi Phước Hòa Long An (giai đoạn 2).
5	Dự án thủy lợi Dầu Tiếng Tây Ninh.
VI	Du lịch, đô thị
1	Khu du lịch di tích cách mạng Côn Đảo.
2	Phát triển khu du lịch núi Bà Đen Tây Ninh.
3	Phát triển khu đô thị Mộc bài Tây Ninh.
VII	Y tế
1	Trung tâm xét nghiệm y khoa thành phố Hồ Chí Minh.
2	Bệnh viện Nhi đồng thành phố Hồ Chí Minh.
3	Bệnh viện Ung bướu thành phố Hồ Chí Minh.
4	Bệnh viện Đông y thành phố Hồ Chí Minh.
5	Bệnh viện Đa khoa các tỉnh, thành phố trong Vùng.
6	Các bệnh viện chuyên khoa các tỉnh, thành phố (bệnh viện sản nhi, bệnh viện lao, bệnh viện tâm thần...).

Ghi chú: Về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư cho từng thời kỳ